

THỰC TRẠNG TUÂN THỦ TIÊM AN TOÀN CỦA ĐIỀU DƯỠNG TẠI BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI THÁI NGUYÊN NĂM 2019

NGUYỄN THỊ MINH HÀ
Đại học Điều dưỡng Nam Định

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng tuân thủ tiêm an toàn của điều dưỡng tại Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Thái Nguyên năm 2019

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 73 điều dưỡng tại 5 khoa lâm sàng của Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Thái Nguyên trong thời gian từ tháng 03/2019 đến tháng 10/2019.

Kết quả và kết luận: Điều dưỡng viên đã tuân thủ khá tốt các quy tắc tiêm an toàn. Cụ thể 100% điều dưỡng viên tuân thủ việc sử dụng bơm kim tiêm, kim lấy thuốc vô khuẩn và tiêm thuốc theo đúng chỉ định. Tỷ lệ tuân thủ rửa tay, sát khuẩn tay nhanh trước khi chuẩn bị thuốc đạt 95,8%, mang găng khi tiêm tĩnh mạch, truyền dịch, truyền máu đạt 97,2%. Tuân thủ tiêm đúng vị trí đạt 98,6%, tiêm đúng độ sâu 94,5%. Điều dưỡng tuân thủ việc không dùng hai tay đẩy nắp kim đạt 89% và cô lập ngay bơm kim tiêm đã nhiễm khuẩn trong hộp an toàn đạt 98,6%.

Từ khóa: Tiêm an toàn, điều dưỡng, thực hành.

SUMMARY

THE SITUATION OF NURSE'S SAFE COMPLIANCE IN INFUSING – IMPLEMENTATION IN THAI NGUYEN TUBERCULOSIS AND LUNG HOSPITAL IN 2019

Objective: Describing the situation of nurse's safe compliance in infusing - implementation in Thai Nguyen Tuberculosis and Lung hospital in 2019.

Methods: A cross-sectional descriptive study talking about 73 nurses on 5 clinical departments at Thai Nguyen Tuberculosis and

Lung hospital during the time from March, 2019 to October, 2019.

Results and conclusions: The nurse followed the safety rules in injection quite well. In detail, 100% of nurses obey to the use of sterile needles and syringes and inject drugs as directed. The compliance rate of hand washing, quick hand sanitizer before drug preparation reached 95.8%, wearing gloves when intravenous injection, infusion, blood transfusion reached 97.2%. Follow the rules about injection at the right position reached 98.6%, injection to the correct depth was 94.5%. Nurses' obedience not using two hands to cover needles was 89% and immediate isolation of contaminated needles in a safety box was 98.6%.

Keywords: Safe injection, nursing, practice.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Mũi tiêm an toàn (TAT) là mũi tiêm không gây nguy hại cho người được tiêm, không gây phơi nhiễm cho người tiêm đối với các nguy cơ có khả năng tránh được và không để lại chất thải nguy hại cho cộng đồng. Tiêm không an toàn có thể dẫn đến lây nhiễm các tác nhân gây bệnh đường máu.

Theo ước tính của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), mỗi năm trung bình có khoảng 1,5 mũi tiêm/người. Phần lớn các sự cố trong ngành y tế gây hậu quả cho người bệnh, nhân viên y tế, môi trường đều liên quan đến kỹ thuật tiêm mà đặc biệt là tiêm tĩnh mạch. Tiêm không an toàn có thể dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng cho bệnh nhân như sốc phản vệ, nguy cơ lây nhiễm các bệnh lây truyền qua đường máu như viêm gan B, viêm gan C, HIV. Ngoài ra, đối với người tiêm có thể phơi nhiễm với tác nhân gây bệnh qua đường máu. Đối với môi trường, tiêm không an toàn sẽ gây khó khăn cho cộng đồng trong việc xử lý chất thải y tế phát sinh trong quá trình thực hiện. Tỷ lệ nhiễm trùng do bơm tiêm và kim tiêm rất cao dao động từ 39,6% đến 70%^[6]. Ở các nước phát triển, hằng năm có khoảng 16 tỷ

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Thị Minh Hà

Email: hakhuong6372@gmail.com

Ngày nhận: 14/4/2021

Ngày phản biện: 15/5/2021

Ngày duyệt bài: 22/5/2021

mũi tiêm trong đó có tới 50% số mũi tiêm chưa đạt tiêu chuẩn mũi tiêm an toàn^[7].

Tiêm là kỹ thuật đòi hỏi sự an toàn và được thực hiện nhiều nhất trong công việc của người điều dưỡng, vì vậy việc tuân thủ quy trình tiêm an toàn là bắt buộc đối với điều dưỡng viên nhằm đảm bảo an toàn người bệnh. Trong thông tư 07/2011/TT-BYT năm 2011 của Bộ Y tế cũng bao gồm các nội dung liên quan đến tiêm an toàn trong công tác chăm sóc người bệnh [2]. Thực hành tiêm an toàn đã được hướng dẫn cụ thể thông qua Quyết định số 3671/QĐ-BYT ngày 27/09/2012 của Bộ Y tế “Hướng dẫn tiêm an toàn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh”^[1].

Để thực hiện tốt quyết định đó, Bệnh viện Lao và bệnh phổi Thái Nguyên là trung tâm khám và điều trị các bệnh lao và các bệnh phổi cho nhân dân trong tỉnh và các tỉnh lân cận. Bệnh viện đã tích cực triển khai nhiều hoạt động trong công tác đào tạo, tập huấn và hướng dẫn các quy trình thực hành trong đó có hướng dẫn tiêm an toàn cho tất cả nhân viên y tế nhằm nâng cao tay nghề của nhân viên y tế đặc biệt là điều dưỡng viên cũng rất được chú trọng. Thế nhưng, tính đến thời điểm hiện tại, chưa có nghiên cứu nào đánh giá về thực trạng tuân thủ tiêm an toàn. Vì vậy, chúng tôi thực hiện nghiên cứu “Đánh giá thực hành tiêm tĩnh mạch an toàn của điều dưỡng tại Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Thái Nguyên năm 2019”.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

73 điều dưỡng tại 5 khoa lâm sàng của Bệnh viện Lao và bệnh phổi Thái Nguyên trong thời gian từ tháng 03/2019 đến tháng 10/2019.

2. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

3. Mẫu và phương pháp chọn mẫu

Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu toàn bộ.

Dựa vào phương pháp chọn mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại trừ, địa điểm và thời gian nghiên cứu chúng tôi chọn 73 điều dưỡng tham gia vào nghiên cứu.

4. Phương pháp thu thập số liệu

Nhóm nghiên cứu đánh giá bí mật đối tượng nghiên cứu dựa trên bảng quan sát được xây dựng dựa trên 17 tiêu chuẩn tiêm an toàn do Bộ Y tế ban hành.

5. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0.

KẾT QUẢ

1. Đặc điểm chung về đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo giới tính, trình độ chuyên môn

Đặc điểm		n	%
Giới tính	Nam	4	5,5
	Nữ	69	94,5
Trình độ chuyên môn	Trung cấp	47	64,4
	Cao đẳng	09	12,3
	Đại học	17	23,3
Thâm niên công tác	< 5 năm	7	9,6
	5 - 10 năm	50	68,5
	> 10 năm	16	21,9

Nhận xét: Điều dưỡng nữ chiếm tới 94,5% so với điều dưỡng (ĐD) nam chỉ chiếm 5,5%. Trình độ chuyên môn phổ biến của ĐD là trình độ trung cấp chiếm 64,4%, trình độ cao đẳng chỉ chiếm 12,3% và đại học chiếm 23,3%. Thâm niên công tác từ 5 - 10 năm chiếm tỷ lệ nhiều nhất 68,5%.

2. Thực trạng tuân thủ tiêm an toàn của đối tượng nghiên cứu

Bảng 2. Tuân thủ trước khi tiêm

Các nội dung	n	%
Có sử dụng xe tiêm khi đi tiêm	72	98,6
Có sử dụng khay đúng quy định khi đi tiêm	71	97,2
Có hộp đựng vật sắc nhọn gần nơi tiêm	73	100

Nhận xét: 100% đối tượng nghiên cứu khi đi tiêm có đầy đủ xe tiêm và hộp đựng vật sắc nhọn gần nơi tiêm, tuy nhiên chỉ có 97,2% số điều dưỡng có sử dụng khay đúng quy định khi đi tiêm.

Bảng 3. Tuân thủ các bước vô khuẩn

Các nội dung	n	%
Rửa tay, sát khuẩn tay nhanh trước khi chuẩn bị thuốc	70	95,8
Rửa tay, sát khuẩn tay nhanh trước khi đưa kim qua da	69	94,5
Mang găng khi tiêm tĩnh mạch, truyền dịch, truyền máu	71	97,2
Bơm kim tiêm vô khuẩn	73	100
Kim lấy thuốc đảm bảo vô khuẩn	73	100

Nhận xét: 100% điều dưỡng viên đã tuân thủ việc có bơm kim tiêm và kim lấy thuốc đảm bảo vô khuẩn, tuy nhiên chỉ có 94,5 số điều dưỡng tuân thủ việc rửa tay, sát khuẩn tay nhanh trước khi đâm kim qua da.

Bảng 4. Tuân thủ kỹ thuật tiêm an toàn

Các nội dung	n	%
Tiêm thuốc theo đúng chỉ định	73	100
Tiêm thuốc theo đúng thời gian	71	97,2
Tiêm đúng vị trí	72	98,6

Tiêm đúng góc kim so với mặt da	70	95,8
Tiêm đúng độ sâu	69	94,5
Rút pittông kiểm tra trước khi bơm thuốc	71	97,2
Bơm thuốc đảm bảo hai nhanh một chậm	70	95,8

Nhận xét: Có 98,6% số điều dưỡng đã tuân thủ tiêm đúng vị trí, chỉ có 94,5% số điều dưỡng tuân thủ việc tiêm đúng độ sâu

Bảng 5. Tuân thủ xử lý vật sắc nhọn sau tiêm

Các nội dung	n	%
Không dùng hai tay đẩy nắp kim	65	89
Cô lập ngay bơm kim tiêm đã nhiễm khuẩn trong hộp an toàn	72	98,6

Nhận xét: Có 89% số điều dưỡng tuân thủ việc không dùng hai tay đẩy nắp kim và 84,9% số điều dưỡng đã tiến hành cô lập ngay bơm kim tiêm đã nhiễm khuẩn trong hộp an toàn

BÀN LUẬN

Theo nghiên cứu của chúng tôi, đối tượng nghiên cứu đa số đều là nữ giới chiếm đến 94,5% so với điều dưỡng nam chỉ chiếm 5,5%. Đây là một đặc điểm chung của nghề điều dưỡng. Cho thấy nữ giới là những người phù hợp hơn trong công tác chăm sóc sức khỏe. Tuy nhiên, nữ giới khi làm công việc này cũng còn gặp một số khó khăn nhất định như việc thời gian nghỉ thai sản dài, sức khỏe có giới hạn,... có thể gây ảnh hưởng đến công việc chung.

Theo kết quả từ bảng 2 cho thấy có 98,6% số điều dưỡng thuộc đối tượng nghiên cứu có sử dụng xe tiêm khi đi tiêm, kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Phạm Ngọc Trâm năm 2014 khi tỷ lệ điều dưỡng sử dụng xe tiêm khi đi tiêm là 90,88%. Có 98,2% điều dưỡng tuân thủ việc sử dụng khay tiêm đúng quy định khi đi tiêm cao hơn nghiên cứu của Phạm Ngọc Trâm 88,05%^[4]. Ngoài ra 100% đối tượng nghiên cứu có hộp đựng vật sắc nhọn gần nơi tiêm. Điều này cho thấy rằng, điều dưỡng viên đã rất có ý thức trong việc tuân thủ các quy tắc tiêm an toàn do Bộ Y tế ban hành.

Về công tác vô khuẩn khi thực hiện tiêm cho người bệnh thì theo kết quả từ bảng 3 có 100% điều dưỡng tuân thủ việc dùng bơm kim tiêm và kim lấy thuốc đảm bảo vô khuẩn. Tỷ lệ này cao hơn nghiên cứu của Phạm Ngọc Trâm khi điều dưỡng sử dụng bơm kim tiêm vô khuẩn đạt 97,48%^[4]. Khi tiến hành quan sát điều dưỡng, tỷ lệ điều dưỡng thực hiện rửa tay, sát khuẩn tay nhanh trước khi chuẩn bị thuốc là 95,8% và tỷ lệ rửa tay, sát khuẩn tay nhanh trước khi đưa kim qua da là 94,5%, một số điều dưỡng đã quên sát khuẩn tay nhanh hoặc rửa tay thiếu một số bước do số lượng bệnh nhân đông, khối lượng công

việc phải làm là khá nhiều. Bên cạnh đó tỷ lệ điều dưỡng mang găng khi đi tiêm đạt 97,2%, như vậy điều dưỡng viên đã rất có ý thức bảo vệ sự an toàn của bản thân. Tỷ lệ này cao hơn trong nghiên cứu của Phan Thị Thanh Thủy và Võ Phi Long tỷ lệ điều dưỡng mang găng khi tiêm tĩnh mạch, truyền dịch, truyền máu đạt 57,43%^[5].

Về tuân thủ kĩ thuật tiêm an toàn có 100% số điều dưỡng tiêm thuốc đúng chỉ định. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Phạm Ngọc Trâm khi tỷ lệ tiêm thuốc đúng chỉ định cũng đạt 100%^[4]. Ngoài ra có 97,2% điều dưỡng tuân thủ tiêm thuốc đúng thời gian, tỷ lệ tiêm đúng vị trí, tiêm đúng góc kim so với mặt da, tiêm đúng độ sâu lần lượt là 98,6%, 95,8%, 94,5%. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Lê Thị Kim Oanh và Bùi Thị Thu Hà về thực trạng tuân thủ quy trình tiêm của điều dưỡng Bệnh viện Bắc Thăng Long năm 2012 thì tiêm đúng vị trí, tiêm đúng góc kim so với mặt da đều đạt 98,1%. Ngoài ra tỷ lệ điều dưỡng tuân thủ bơm thuốc đảm bảo hai nhanh một chậm đạt tỷ lệ khá cao là 95,8%^[3].

Việc xử lý vật sắc nhọn sau tiêm đã được điều dưỡng thực hiện khá nghiêm túc. Có 98,6% điều dưỡng tiến hành cô lập ngay bơm kim tiêm đã nhiễm khuẩn trong hộp an toàn. Bên cạnh đó có 89% điều dưỡng không dùng hai tay đẩy nắp kim và có 11% số điều dưỡng không tuân thủ việc này. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của Phạm Thị Thanh Thủy và Võ Phi Long khi kết quả này là 5%^[5]. Điều này có nghĩa nguy cơ đâm kim vào tay và gây các bệnh truyền nhiễm rất nguy hiểm nên điều dưỡng viên cần nâng cao ý thức tuân thủ việc xử lý vật sắc nhọn sau tiêm hơn nữa.

KẾT LUẬN

Trong nghiên cứu của chúng tôi điều dưỡng viên đã thực hiện khá tốt việc tuân thủ quy tắc tiêm an toàn do Bộ Y tế ban hành. Một số tiêu chí tỷ lệ tuân thủ đạt tới 100% như có hộp đựng vật sắc nhọn, dùng bơm kim tiêm vô khuẩn, kim lấy thuốc vô khuẩn và tiêm thuốc theo đúng chỉ định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Y tế (2012). Quyết định số 3671/QĐ-BYT ngày 27/9/ 2012 về việc phê duyệt các hướng kiểm soát nhiễm khuẩn.
- Bộ Y tế (2011). Thông tư số 07/2011/TT -BYT ngày 26/1/2011 về việc hướng dẫn công tác điều dưỡng về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện.
- Lê Thị Lim Oanh và Bùi Thị Thu Hà (2013). Thực trạng tuân thủ quy trình tiêm an toàn của điều dưỡng tại Bệnh viện Bắc Thăng Long năm 2012, Y học thực hành, 1.

4. **Phạm Ngọc Trâm** (2014). Đánh giá thực trạng mũi tiêm an toàn tại một số khoa nội Bệnh viện Quân y 103, Y học thực hành, 2.

5. **Phạm Thị Thanh Thủy và Võ Phi Long** (2010). Tình hình tiêm an toàn Bệnh viện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế, Y học thực hành, 3.

6. **Hicks et al** (2006). "An overview of IV - related medication administration errors as reported to MEDMARX, a nation medication error as reported program", J Infus Nurs.29 (1). Pp: 20 - 27.

7. Panel summary from the emerging infectious diseases, 1/2001.

ĐÁNH GIÁ TÁC DỤNG ĐIỀU TRỊ RỐI LOẠN LIPID MÁU CỦA VIÊN NANG "GIÁNG CHỈ TIÊU KHÁT LINH" TRÊN BỆNH NHÂN RỐI LOẠN CHUYỂN HÓA LIPID MÁU CÓ ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TYP 2

VŨ VIỆT HẰNG, TRẦN THỊ MINH QUYÊN
Trường Đại học Y Hà Nội

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá tác dụng điều trị rối loạn lipid máu của viên nang "Giáng chỉ tiêu khát linh" trên bệnh nhân rối loạn chuyển hóa lipid máu có đái tháo đường typ 2. Nghiên cứu trên 100 bệnh nhân được chẩn đoán rối loạn lipid (RLLP) máu có đái tháo đường (ĐTĐ) typ 2. Nghiên cứu tiến cứu so sánh trước và sau điều trị 30, 60 ngày.

Kết quả: Kết quả nghiên cứu cho thấy, viên nang "Giáng chỉ tiêu khát linh" 500mg uống với liều 12 viên / ngày ở thời điểm sau 30 ngày và sau 60 ngày uống thuốc liên tục có tác dụng điều trị rối loạn lipid máu ở của bệnh nhân ĐTĐ typ 2 với các chỉ số giảm 31,6% TG; 8,3% TC; 17,7% LDL-C và tăng 16,8% HDL-C sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Từ khóa: Viên nang "Giáng chỉ tiêu khát linh", rối loạn lipid máu, đái tháo đường typ 2.

SUMMARY
EFFECTS' EVALUATION OF
DYSLIPIDEMIA TREATMENT WITH
CAPSULES "GIANG CHI TIEU KHAT LINH" ON
PATIENTS WITH DYSLIPIDEMIA PLUS TYPE
2 DIABETES

The study was conducted to evaluate the treatment effect of dyslipidemia of the capsule

"Giang chi tieu khat linh" on patients with dyslipidemia plus type 2 diabetes. Study on 100 patients diagnosed with dyslipidemia plus type 2 diabetes mellitus (DM). The study compared effects of before and after 30, 60 days of treatment.

Results: The results of the study showed that the 500mg capsule of "Giang chi tieu khat linh" taken at a dose of 12 tablets /day after 30 days and after 60 days of continuous intake had the effect of treating dyslipidemia on patients with type 2 diabetes, with the index decreased 31.6% TG; 8.3% TC; 17.7% LDL-C and 16.8% increased in HDL-C, the difference was statistically significant with $p < 0.05$.

Keywords: "Giang chi tieu khat linh" capsules, dyslipidemia, type 2 diabetes mellitus.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Rối loạn chuyển hoá lipid gắn liền với bệnh lý mạch máu, đặc biệt là bệnh lý mạch vành. Điều hoà các rối loạn lipid máu có tác dụng cải thiện rõ rệt tiên lượng bệnh lý tim mạch ở bệnh đái tháo đường (ĐTĐ)^[1].

Ngày nay, bệnh ĐTĐ gia tăng hàng năm theo sự phát triển của đời sống kinh tế xã hội. Theo thống kê của Hiệp hội Đái tháo đường Quốc tế IDF (International Diabetes Federation), năm 2013 thế giới có 382 triệu người mắc bệnh ĐTĐ typ 2 và dự đoán sẽ tăng lên 592 triệu người trong năm 2035^[2]. Bệnh ĐTĐ xảy ra khắp các châu lục, thường là ĐTĐ typ 2, đặc biệt ở các nước phát triển. Tuy nhiên, tỷ lệ bệnh tăng nhanh nhất là các nước thuộc châu Phi và châu

Chịu trách nhiệm: Vũ Việt Hằng
Email: vhangyhct@gmail.com
Ngày nhận: 28/4/2021
Ngày phản biện: 07/6/2021
Ngày duyệt bài: 12/6/2021